

Bản số: 29/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 31-12-2021  
V/v không công nhận quan hệ vợ  
chồng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ , TỈNH THÁI NGUYÊN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Đỗ Hữu Như

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Tất Dũng

Bà Vũ Thị Hương

**Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Lô Thị Lệ Hoài - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:**

Ông Vũ Hoàng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 135/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2021 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 24/11/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Minh T**, sinh năm 1969/ có mặt.

Nơi cư trú: Xóm C, xã M, huyện Đ - Thái Nguyên.

Bị Đơn: Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1964/ vắng mặt lần thứ hai.

Nơi cư trú: Xóm C, xã M, huyện Đ - Thái Nguyên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn bà Ngô Thị Minh T trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T1 xây dựng gia đình với nhau năm 1992, có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi bà và ông T1 chung sống cùng nhau được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình hai người không còn hợp nhau, tình cảm phai nhạt dần, hai người không còn yêu thương và quan T đến nhau nữa. Đến năm 2013 thì ông T1 bỏ nhà đi làm ăn ở đâu bà không rõ, thỉnh thoảng một đến hai năm ông T1 mới về thăm nhà một vài ngày rồi lại đi. Lần gần đây nhất là vào tháng 5 năm 2020 ông T1 có về nhà vài ngày rồi lại đi, bà có hỏi nhưng ông T1

không nói cho bà biết đi đâu làm gì, ở đâu và hiện nay bà không biết địa chỉ của ông T1 ở đâu.

Nay bà T xác định tình cảm với ông T1 không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung thực tế không còn tồn tại nên bà yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T1.

Về con chung: Bà T và ông T1 có 01 con chung là Nguyễn Ngọc T3, sinh ngày 12/8/1995. Cháu Tú đã trưởng thành và không bị nhược điểm về thể chất và T thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung trong vụ án này, về nợ chung bà T xác định bà và ông T1 không có nợ chung.

Đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn T1: Tòa án đã nhắn tin cho ông T1 trên báo, đài trung ương, tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với ông T1 thông báo về việc thụ lý vụ án và để ông T1 đến Tòa án viết bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên ông T1 không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm đây là vụ án “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, căn cứ Điều 28, 35, 39 BLTTDS Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự (nguyên đơn) kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Không có vi phạm, không có đề xuất hay kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 174, 177, Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 14 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ngô Thị Minh T và ông Nguyễn Văn T1.

- Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết vì con đã trưởng thành và không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Ngô Thị Minh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với bị đơn là ông Nguyễn Văn T1. Bị đơn có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại xã Minh Lập, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án trình bày bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng ông T1 đều vắng mặt. Tòa án đã nhắc nhở, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T1 không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử vụ án, vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định được bà Ngô Thị Minh T và ông Nguyễn Văn T1 chung sống với nhau như vợ chồng tại xã Minh Lập, huyện Đ từ năm 1992 đến năm 2020 và có với nhau một người con là Nguyễn Ngọc T3, sinh ngày 12/8/1995. Trước khi chung sống với nhau bà Ngô Thị Minh T và ông Nguyễn Văn T1 có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Sau khoảng 20 năm chung sống hòa thuận thì bà Ngô Thị Minh T và ông Nguyễn Văn T1 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình thay đổi, bất đồng quan điểm sống, tháng 5 năm 2020 ông T1 đã bỏ nhà đi khỏi nơi cư trú, hai người không còn quan T đến nhau nữa. Nay bà Ngô Thị Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với bà và ông T1 xét thấy cần áp dụng Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai bên là phù hợp.

[3] Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết vì con đã trưởng thành và không bị nhọc nhằn về thể chất và T thân.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết về tài sản và xác định vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Ngô Thị Minh T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 174, 177, Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, 14 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ngô Thị Minh T và ông Nguyễn Văn T1.

[2]. Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết vì con đã trưởng thành và không bị nhược điểm về thể chất và T thần.

[3]. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

[5]. Án phí: Bà Ngô Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006677 ngày 28/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

[6]. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn là bà Ngô Thị Minh T biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là ông Nguyễn Văn T1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Hữu Như**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

## **Đỗ Hữu Như**



